

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Hà Thị Kim Phượng	Chủ tịch
Ông Hà Văn Tiến	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Tâm	Ủy Viên
Ông Trần Đức Mạnh	Ủy viên
Ông Cao Trung Ngoan	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Bà Hà Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Quân	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:
Ông Hà Văn Tiến Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Hà Văn Tiến

Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2024

Số. 12/BCKT-UHYHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Hồng Hiên

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1117-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN UHY – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, ngày 23 tháng 03 năm 2024

A blue ink signature of Nguyễn Đức Quỳnh.

Nguyễn Đức Quỳnh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1016-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.503.907.529	54.453.038.791
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.883.402.787	26.923.661.222
1. Tiền	111		29.883.402.787	26.923.661.222
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	-	6.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.397.953.061	13.926.278.037
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.378.911.969	9.520.307.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.517.871.207	4.700.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		805.207.378	369.348.448
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(9.304.037.493)	(663.377.810)
IV. Hàng tồn kho	140	9	704.632.635	890.620.329
1. Hàng tồn kho	141		704.632.635	890.620.329
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.517.919.046	6.712.479.203
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	177.470.097	169.596.924
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.841.568.057	6.166.454.187
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	498.880.892	376.428.092
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		333.749.103.698	351.083.996.007
I. Tài sản cố định	220		39.819.323.461	45.753.946.132
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	39.819.323.461	45.753.946.132
- Nguyên giá	222		79.012.648.654	81.518.423.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.193.325.193)	(35.764.477.305)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		53.520.000	53.520.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.520.000)	(53.520.000)
II. Bất động sản đầu tư	230	12	267.583.315.656	277.214.843.142
- Nguyên giá	231		347.663.171.122	346.207.337.789
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(80.079.855.466)	(68.992.494.647)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.414.282	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		38.414.282	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		26.308.050.299	28.115.206.733
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	23.109.468.575	23.835.360.572
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		22.605.793	45.211.585
3. Lợi thế thương mại	269	13	3.175.975.931	4.234.634.576
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		369.253.011.227	405.537.034.798

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		171.321.976.228	202.651.454.542
I. Nợ ngắn hạn	310		46.464.810.909	53.539.153.710
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	616.188.608	400.443.421
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		416.398.938	90.722.488
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.082.731.746	282.197.623
4. Phải trả người lao động	314		2.862.661.342	2.880.532.579
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		675.698.536	800.291.029
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		917.773.147	969.976.590
7. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	2.371.773.535	60.893.308
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	36.027.396.330	46.871.494.675
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.494.188.727	1.182.601.997
II. Nợ dài hạn	330		124.857.165.319	149.112.300.832
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	11.091.276.474	10.891.537.176
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	113.765.888.845	138.220.763.656
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.931.034.999	202.885.580.256
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	197.931.034.999	202.885.580.256
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		107.936.700.000	107.936.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		107.936.700.000	107.936.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.359.240.000	14.359.240.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.389.312.824	18.389.312.824
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.434.236.410	16.053.695.948
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.969.918.623	8.410.694.817
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.464.317.787	7.643.001.131
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		45.811.545.765	46.146.631.484
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		369.253.011.227	405.537.034.798

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 03 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	136.987.123.832	209.202.606.560
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		136.987.123.832	209.202.606.560
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	77.459.532.218	147.835.230.063
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		59.527.591.614	61.367.376.497
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.001.638.394	504.375.811
7. Chi phí tài chính	22	24	15.902.877.640	17.018.000.212
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.902.877.640	17.018.000.212
8. Chi phí bán hàng	25	25	15.934.023.107	17.548.606.356
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	20.190.500.547	12.476.821.391
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		8.501.828.714	14.828.324.349
11. Thu nhập khác	31		1.487.701.569	1.020.772.727
12. Chi phí khác	32		16.012.094	487.554.254
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.471.689.475	533.218.473
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.973.518.189	15.361.542.822
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	4.224.449.038	5.133.310.074
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		22.605.792	22.605.792
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.726.463.359	10.205.626.956
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.464.317.787	7.643.001.131
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.262.145.572	2.562.625.825
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27		527

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT



Hà Văn Tiên
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.973.518.189	15.361.542.822
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		17.021.983.490	17.199.415.985
Các khoản dự phòng	03		8.640.659.683	663.377.810
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.101.038.396)	(781.440.310)
Chi phí lãi vay	06		15.902.877.640	17.018.000.212
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		50.438.000.606	49.460.896.519
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		5.436.787.522	7.808.718.973
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		185.987.694	293.314.492
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(113.794.478)	(994.258.679)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		1.776.677.469	1.432.371.495
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.249.566.539)	(15.439.628.842)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.049.977.739)	(6.233.676.387)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.295.988.595)	(1.443.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.128.125.940	34.884.737.571
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(1.494.247.615)	(3.488.559.296)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		99.400.002	277.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.001.638.394	504.167.583
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.606.790.781	(8.707.118.986)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		12.951.131.047	107.394.831.838
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(48.250.104.203)	(122.819.842.769)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.476.202.000)	(5.396.835.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.775.175.156)	(20.821.845.931)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		2.959.741.565	5.355.772.654
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	26.923.661.222	21.567.888.568
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4	29.883.402.787	26.923.661.222

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 03 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp trực thuộc Cảng Hải Phòng, thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 2714/2000/QĐ-BGTVT ngày 18/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000025 ngày 18 tháng 10 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 16 ngày 27/11/2023.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 117 người (tại ngày 01/01/2023 là 122 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh và dịch vụ hàng hải (bao gồm: Vận tải thủy, vận tải đường bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá và cung ứng hàng hải); Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt, xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại; Đại lý tàu biển; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ và đường thủy; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thang máy; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sửa chữa nhà, xưởng, kho tàng; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo; Bán lẻ đồ uống; Cung ứng lao động tạm thời; Giáo dục nghề nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt; trông coi xe.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 01 Công ty con

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ cảng Hải Phòng	Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	56,3	56,3	Cho thuê văn phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu (Tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, trong số dự hàng tồn kho đến ngày 31/12/2023 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí trả trước tiền thuê đất và chi phí liên quan: Bao gồm chi phí để có được quyền thuê đất tại số 3 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian thuê.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05-25
Máy móc thiết bị	07-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị quản lý	03-07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 đến 40 năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh năm 2023 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.372.362.006	3.000.082.736
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.511.040.781	23.923.578.486
Cộng	29.883.402.787	26.923.661.222

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh tiền gửi từ trên 03 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 5%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	6.378.911.969	9.520.307.399
Công ty CP Diên Hải	515.435.778	965.435.778
Công ty TNHH Đầu tư TM XNK Hiền Anh	1.085.620.384	1.484.290.169
Công ty Cổ phần giao nhận vận tải Việt Hưng	687.000.000	787.344.981
Các đối tượng khác	4.090.855.807	6.283.236.471
Cộng	6.378.911.969	9.520.307.399

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	4.517.871.207	4.700.000.000
Công ty CP tư vấn Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hà Nội 1	4.434.000.000	4.700.000.000
Các đối tượng khác	83.871.207	-
Cộng	4.517.871.207	4.700.000.000

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP tư vấn Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hà Nội 1	4.434.000.000	4.434.000.000	1.620.000.000	486.000.000
Công ty TNHH Đầu tư TM XNK Hiền Anh	1.085.620.384	1.085.620.384	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Việt Hưng	687.000.000	687.000.000	-	-
Các đối tượng khác	4.550.979.530	3.097.417.109	591.259.366	177.377.810
Cộng	10.757.599.914	9.304.037.493	2.211.259.366	663.377.810

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	323.746.973	-	458.730.580	-
Hàng hóa	380.885.662	-	431.889.749	-
Cộng	704.632.635	-	890.620.329	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	177.470.097	169.596.924
Chi phí sửa chữa	172.056.118	169.596.924
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.413.979	-
<i>Dài hạn</i>	23.109.468.575	23.835.360.572
Chi phí để có quyền sử dụng đất	18.376.711.290	19.306.131.918
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	216.217.967	220.199.091
Chi phí sửa chữa	4.516.539.318	4.275.917.901
Chi phí trả trước khác	-	33.111.662
Cộng	23.286.938.672	24.004.957.496

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm					
Trình bày lại	31.119.536.638	33.434.052.416	11.550.734.414	5.414.099.969	81.518.423.437
Thanh lý	(2.351.597.947)	(154.176.836)	-	-	(2.505.774.783)
Số cuối năm	28.767.938.691	33.279.875.580	11.550.734.414	5.414.099.969	79.012.648.654
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm					
Trình bày lại	16.277.329.599	10.683.561.887	4.538.260.059	4.265.325.760	35.764.477.305
Khấu hao trong năm	1.632.179.234	2.772.115.904	979.200.000	551.127.533	5.934.622.671
Thanh lý	(2.351.597.947)	(154.176.836)	-	-	(2.505.774.783)
Số cuối năm	15.557.910.886	13.301.500.955	5.517.460.059	4.816.453.293	39.193.325.193
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	14.842.207.039	22.750.490.529	7.012.474.355	1.148.774.209	45.753.946.132
Số cuối năm	13.210.027.805	19.978.374.625	6.033.274.355	597.646.676	39.819.323.461

Nguyên giá của Tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị 11.398.777.581 VND (ngày 01/01/2023: 10.426.107.829 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc với giá trị còn lại tại 31/12/2023 là 13.210.027.805 VND (tại 01/01/2023: 14.842.207.039 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng tại thuyết minh số 17.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	312.868.699.229	33.338.638.560	346.207.337.789
Tăng trong năm	1.455.833.333	-	1.455.833.333
Số cuối năm	314.324.532.562	33.338.638.560	347.663.171.122
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm			
Trình bày lại	51.931.086.199	17.061.408.448	68.992.494.647
Khấu hao trong năm	8.584.297.043	2.503.063.776	11.087.360.819
Số cuối năm	60.515.383.242	19.564.472.224	80.079.855.466
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	260.937.613.030	16.277.230.112	277.214.843.142
Số cuối năm	253.809.149.320	13.774.166.336	267.583.315.656

Công ty đã thế chấp toàn bộ bất động sản đầu tư trên để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng như tại thuyết minh số 17.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 181.664.277 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 181.664.277 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	4.234.634.576	5.293.293.221
Phân bổ trong năm	(1.058.658.645)	(1.058.658.645)
Tại ngày cuối năm	3.175.975.931	4.234.634.576

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	616.188.608	616.188.608	400.443.421	400.443.421
Công ty TNHH Xăng dầu Nam Ninh	488.344.137	488.344.137	179.570.765	179.570.765
Công ty CP xây lắp kỹ thuật Hà Nội	26.202.062	26.202.062	26.202.062	26.202.062
Các đối tượng khác	101.642.409	101.642.409	194.670.594	194.670.594
Cộng	616.188.608	616.188.608	400.443.421	400.443.421

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu, nộp trong năm VND	Số đã thực thu, nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Phải thu	376.428.092	31.781.262	348.535.362	59.673.992
Thuế TNDN	348.535.362	-	348.535.362	-
Thuế TNCN	27.892.730	31.781.262	-	59.673.992
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	439.206.900	-	439.206.900
Cộng	376.428.092	470.988.162	348.535.362	498.880.892
Phải nộp	282.197.623	10.289.807.863	9.489.273.740	1.082.731.746
Thuế GTGT	4.286.500	3.325.744.411	3.326.449.512	3.581.399
Thuế TNDN	152.589.132	4.224.449.038	3.398.513.101	978.525.069
Thuế TNCN	125.321.991	1.329.015.909	1.353.712.622	100.625.278
Tiền thuê đất	-	1.393.170.800	1.393.170.800	-
Các loại thuế khác	-	17.427.705	17.427.705	-
Cộng	282.197.623	10.289.807.863	9.489.273.740	1.082.731.746

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	<u>2.371.773.535</u>	<u>60.893.308</u>
Kinh phí công đoàn	56.023.340	22.481.260
Bảo hiểm xã hội	3.698.675	1.595.075
Bảo hiểm y tế	635.948	284.903
Bảo hiểm thất nghiệp	265.528	160.328
Các khoản phải trả, phải nộp khác	60.550.044	36.371.742
Cổ lợi nhuận phải trả	2.250.600.000	-
<i>Dài hạn</i>	<u>11.091.276.474</u>	<u>10.891.537.176</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (1)	11.091.276.474	10.891.537.176
Cộng	<u>13.463.050.009</u>	<u>10.952.430.484</u>

(1) Tiền nhận ký cược, ký quỹ thuê văn phòng tại các tòa nhà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	10.091.494.675	10.091.494.675	11.368.609.528	21.460.104.203	-	-
NH Đầu tư và Phát triển - CN Đông HP (1)	10.091.494.675	10.091.494.675	11.368.609.528	21.460.104.203	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	36.780.000.000	36.780.000.000	36.027.396.330	36.780.000.000	36.027.396.330	36.027.396.330
NH Đầu tư và Phát triển - CN Đông HP (2)	6.400.000.000	6.400.000.000	36.027.396.330	6.400.000.000	36.027.396.330	36.027.396.330
Vay cá nhân	30.380.000.000	30.380.000.000	-	30.380.000.000	-	-
Vay dài hạn	138.220.763.656	138.220.763.656	31.962.521.519	56.417.396.330	113.765.888.845	113.765.888.845
NH Đầu tư và Phát triển - CN Đông HP (2)	118.519.588.100	118.519.588.100	-	40.417.396.330	78.102.191.770	78.102.191.770
Bà Hà Thị Kim Cúc (3)	19.701.175.556	19.701.175.556	31.962.521.519	16.000.000.000	35.663.697.075	35.663.697.075
Cộng	185.092.258.331	185.092.258.331	79.358.527.377	114.657.500.533	149.793.285.175	149.793.285.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin các khoản vay

(1) Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2022/4568045/HĐTD ngày 30/06/2022 với hạn mức 30 tỷ VND ; Khoản vay giải ngân theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất được xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 3 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU367751; Khoản vay được gia hạn đến ngày 30/06/2023.

(2) Khoản vay dài hạn BIDV – Chi nhánh Đông Hải Phòng theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Vay ngân hàng Đầu tư phát triển theo hợp đồng vay số 01/2724142/2014/HĐTD Ngày 23/7/2014 với tổng hạn mức là 130 tỷ VND trong thời hạn 120 tháng; Khoản vay được ân hạn trong vòng 18 tháng; Khoản vay để đầu tư giải ngân các khoản chi phí đầu tư xây dựng tòa nhà Thành Đạt (tòa nhà văn phòng cho thuê); Lãi suất vay áp dụng thả nổi có điều chỉnh 06 tháng/lần; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn theo hợp đồng số 01/2019/4568045/HĐTD ngày 28/5/2019 trong vòng 10 năm; Khoản vay giải ngân theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất được xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Mục đích vay dùng để đầu tư xây dựng Tòa nhà Thành Đạt 3; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ vốn vay.

(2) Khoản vay dài hạn của các cá nhân theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Khoản vay với bà Hà Thị Kim Cúc theo hợp đồng tín dụng số 01/08/HĐTD/2021 ngày 20/08/2021 với thời hạn 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất bằng lãi suất cộng phí cho vay của Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Đông Hải Phòng, có điều chỉnh theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng, khoản vay được gia hạn đến năm 2026. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, không có tài sản đảm bảo.

Lịch trả nợ khoản vay dài hạn

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	8.100.000.000	36.780.000.000
Trong năm thứ 2	11.000.000.000	56.391.175.556
Từ năm thứ ba đến năm thứ 5	83.463.697.075	68.302.396.330
Sau năm năm	19.302.191.770	13.527.191.770
Cộng	121.865.888.845	175.000.763.656
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ dài hạn đến hạn trả)	(8.100.000.000)	(36.780.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	113.765.888.845	138.220.763.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	107.936.700.000	14.359.240.000	17.389.312.824	16.210.529.817	43.584.005.659	199.479.788.300
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.643.001.131	2.562.625.825	10.205.626.956
Chia cổ tức	-	-	-	(5.396.835.000)	-	(5.396.835.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	1.000.000.000	(2.403.000.000)	-	(1.403.000.000)
Số đầu năm nay	107.936.700.000	14.359.240.000	18.389.312.824	16.053.695.948	46.146.631.484	202.885.580.256
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.464.317.787	2.262.145.572	5.726.463.359
Chia cổ tức bằng tiền (i)	-	-	-	(6.476.202.000)	(2.250.600.000)	(8.726.802.000)
Trích quỹ trong năm (i)	-	-	-	(1.607.575.325)	(346.631.291)	(1.954.206.616)
Số cuối năm nay	107.936.700.000	14.359.240.000	18.389.312.824	11.434.236.410	45.811.545.765	197.931.034.999

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023 theo đó, phân phối lợi nhuận như sau:
- Chia cổ tức với tỷ lệ 6% trên vốn điều lệ: 6.476.202.000 VND;
 - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và Ban điều hành: 1.161.000.000 VND;
 - Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/05/2023 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành 793.206.616 đồng; Trong năm, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 5% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 12/10/2023, Hội đồng Quản trị sẽ trình đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn điều lệ của Công ty đăng ký góp là 107.936.700.000 VND, danh sách cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Hà Văn Tiến	51.800.460.000	47,99%	42.861.000.000	39,71%
Công ty TNHH Vận tải Hà Phương	14.600.000.000	13,53%	14.600.000.000	13,53%
Ông Cao Trung Ngoan	8.061.000.000	7,47%	8.061.000.000	7,47%
Bà Đào Thị Tâm	5.510.000.000	5,10%	5.510.000.000	5,10%
Các đối tượng khác	27.965.240.000	25,91%	36.904.700.000	34,19%
Cộng	107.936.700.000	100	107.936.700.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	107.936.700.000	107.936.700.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	107.936.700.000	107.936.700.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.476.202.000	5.396.835.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.793.670	10.793.670
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	10.793.670	10.793.670
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.793.670	10.793.670

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Kinh doanh xăng dầu: Chuyên kinh doanh, phân phối, bán buôn, bán lẻ xăng dầu: dầu diezen, mogas 92 và mogas 95;
- Cho thuê văn phòng: kinh doanh hoạt động cho thuê văn phòng và các hoạt động phụ trợ;
- Dịch vụ khác: Bao gồm dịch vụ trông giữ xe máy, xe đạp; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thang máy; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sửa chữa nhà, xưởng, kho tàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Năm nay:

Chỉ tiêu	KD xăng dầu	Cho thuê văn	Hoạt động khác	Cộng
	VND	phòng VND	VND	
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.917.557.649	84.966.470.489	7.103.095.694	136.987.123.832
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	43.502.522.669	29.752.489.382	4.204.520.167	77.459.532.218
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.415.034.980	55.213.981.107	2.898.575.527	59.527.591.614
4. Lợi nhuận trước thuế	659.231.054	8.750.859.432	563.427.703	9.973.518.189
5. Nguyên giá TSCĐ bộ phận	1.123.334.551	415.947.298.481	9.937.051.622	427.007.684.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (tiếp theo)

Năm trước:

Chỉ tiêu	KD xăng dầu	Cho thuê văn	Hoạt động khác	Cộng
	VND	phòng VND		
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.492.070.037	80.391.504.656	11.319.031.867	209.202.606.560
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	115.137.149.445	28.729.966.140	3.968.114.478	147.835.230.063
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.354.920.592	51.661.538.516	7.350.917.389	61.367.376.497
4. Lợi nhuận trước thuế	807.559.118	13.553.026.341	1.000.957.363	15.361.542.822
5. Nguyên giá TSCĐ bộ phận	1.123.334.551	413.014.160.974	9.903.081.733	424.040.577.258

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động tại Thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	47.105.250.288	120.413.961.180
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.881.873.544	88.788.645.380
Cộng	136.987.123.832	209.202.606.560

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	44.788.072.433	116.219.735.812
Giá vốn cung cấp dịch vụ	32.671.459.785	31.615.494.251
Cộng	77.459.532.218	147.835.230.063

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.149.670.695	1.006.524.349
Chi phí nhân công	20.030.171.482	21.539.699.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.021.983.490	17.199.415.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	30.594.157.772	21.895.282.412
Cộng	68.795.983.439	61.640.921.998

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.001.638.394	504.167.583
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	208.228
Cộng	1.001.638.394	504.375.811

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	15.902.877.640	17.018.000.212
Cộng	15.902.877.640	17.018.000.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>20.190.500.547</i>	<i>12.476.821.391</i>
Chi phí nhân viên	6.950.497.346	6.791.377.835
Chi phí dự phòng	8.640.659.683	663.377.810
Các khoản chi phí QLDN khác	4.599.343.518	5.022.065.746
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>15.934.023.107</i>	<i>17.548.606.356</i>
Chi phí nhân viên	11.166.850.470	12.786.438.854
Chi phí khấu hao TSCĐ	305.769.700	342.676.368
Thuế, phí và lệ phí	443.045.800	767.989.000
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.018.357.137	3.651.502.134

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	2.169.873.895	1.901.464.638
Chi phí thuế TNDN tại Công ty con	2.054.575.143	3.231.845.436
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.224.449.038	5.133.310.074

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.464.317.787	7.643.001.131
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu (*)	-	(1.954.206.616)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	3.464.317.787	5.688.794.515
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.793.670	10.793.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	321	527

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại do việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại là 527 VND/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 708 VND/cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2023 chưa bị điều chỉnh bởi các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 do chưa có thông tin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. THÔNG TIN KHÁC

Trong năm, Công ty nhận được quyết định số 3713/QĐ-UBND ngày 1/12/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án, theo đó Nhà nước sẽ thu hồi 638 m² tại thửa đất số 02 tờ bản đồ số 16 – nơi Công ty đang kinh doanh xăng dầu, do đó khi quyết định được thực hiện, hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty sẽ ngừng hoạt động;

Và Quyết định số 3714/ QĐ-UBND ngày 1/12/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án, theo đó Nhà nước sẽ thu hồi 1.022,6 m² tại thửa đất số 1A tờ bản đồ số 16 Công ty đang kinh doanh dịch vụ ăn uống, do đó khi quyết định được thực hiện, hoạt động kinh doanh nhà hàng của Công ty sẽ ngừng hoạt động.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các quyết định nêu trên chưa được thực hiện

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty
Bà Hà Thị Kim Cúc

Bản chất bên liên quan

Lãnh đạo chủ chốt
Con ông Hà Văn Tiến - Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Bà Hà Thị Kim Cúc		
Nhận tiền vay	1.582.521.519	2.081.175.556
Lãi tiền vay	3.445.177.381	4.304.183.333

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Bà Hà Thị Kim Cúc		
Vay và nợ thuê tài chính	35.663.697.075	50.081.175.556

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Hà Văn Tiến	Tổng GD, Thành viên HĐQT	1.003.815.000	1.091.640.000
Bà Hà Thị Kim Phượng	Phó Tổng GD, Chủ tịch HĐQT	575.582.000	582.967.000
Ông Nguyễn Tiến Quân	Phó Tổng GD	244.544.000	194.747.000
Bà Đào Thị Tâm	Thành viên HĐQT	138.000.000	150.000.000
Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên HĐQT	138.000.000	140.000.000
Ông Trần Đức Mạnh	Thành viên HĐQT	138.000.000	140.000.000
Bà Bùi Thị Hồng Hà	Trưởng BKS	120.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Cẩm Thủy	Thành viên BKS	60.000.000	70.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	72.000.000	90.000.000
Cộng		2.489.941.000	2.609.354.000

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu

Hà Thị Tú
Trưởng phòng TCKT



Hà Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 03 năm 2024